

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; ☒ Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp

Chuyên ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** ĐINH THỊ HẢI VÂN

2. **Ngày tháng năm sinh:** 05/11/1975; Nam ; Nữ ☒ ; Quốc ☐ tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:** ☒

4. **Quê quán:** xã Ninh Khang, Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** Số nhà B22, BT05, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, TP Hà Nội

6. **Địa chỉ liên hệ:** Đinh Thị Hải Vân, Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại di động: 0936953333; E-mail: dinhthihaivan@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác:

(1) Từ tháng 10/1997 đến tháng 12/1999: Hợp đồng nghiên cứu viên tại Trung tâm sinh học thực nghiệm - Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, tại C6, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội;

(2) Từ tháng 1/2000 đến tháng 12/2010: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp - Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(3) Từ tháng 8/2003 đến tháng 8/2005: Học viên cao học tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan;

(4) Từ tháng 9/2005 đến tháng 9/2007: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp - Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(5) Từ tháng 10/2007 đến tháng 10/2010: Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Tokyo, Tokyo, Nhật Bản;

(6) Từ tháng 11/2011 đến tháng 2/2012, Giảng viên tập sự, Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(7) Từ tháng 3/2012 đến tháng 4/2012: Giảng viên, Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(8) Từ tháng 4/2012 đến tháng 6/2016: Giảng viên, Phó trưởng Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam);

(9) Từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2020: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

(10) Từ tháng 11/2020 đến nay (tháng 6/2025): Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam,

Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 10 năm 1997; số văn bằng: B36423; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh thái học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 5 năm 2005; Công nghệ và quản lý Môi trường; Nơi cấp bằng ThS: Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 9 năm 2010; số văn bằng: HAKU NO 3616; ngành: Nông nghiệp và khoa học Đời sống; chuyên ngành: Khoa học Nông nghiệp Toàn cầu; Nơi cấp bằng TS: Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư, tại HDGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp-Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Hướng 1: Quản lý môi trường trong nông nghiệp và nông thôn

Hướng 2: Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp và sự thích ứng của người dân.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Chưa hướng dẫn NCS bảo vệ thành công luận án TS.
 - Đã hướng dẫn 22 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và nhận bằng tốt nghiệp ngành Khoa học Môi trường, trong đó có giấy minh chứng của 8 HVCH
 - Đã hướng dẫn 67 Sinh viên đại học chính quy thuộc ngành Khoa học môi trường bảo vệ thành công và nhận bằng tốt nghiệp kể từ sau khi ứng viên nhận học vị tiến sĩ.
 - Đã chủ trì 03 đề tài NCKH cấp cơ sở trở; thư ký cho 01 đề tài cấp Bộ; tham gia 03 đề tài cấp Bộ.
 - Đã tham gia thực hiện 6 dự án và nhiệm vụ KH và CN trong nước và quốc tế trong đó có 04 dự án nguồn kinh phí tài trợ từ nước ngoài và 03 dịch vụ tư vấn trong nước và nước ngoài với vai trò là tư vấn chính.
 - Đã công bố (số lượng) 39 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, 4 chương sách tiếng Anh.
 - Số lượng sách đã xuất bản: 04 trong đó: chủ biên 1 giáo trình; tham gia viết 01 giáo trình; đồng chủ biên 01 sách tham khảo; chủ biên 01 sách tham khảo.
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Nhiều năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ tháng 1/2011, ứng viên bắt đầu đảm nhận nhiệm vụ nhà giáo tại Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông nghiệp I (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) với vai trò là giảng viên tập sự. Trong suốt hơn 14 năm công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam với nhiệm vụ được phân công khác nhau ứng viên xin tự đánh giá bản thân dựa vào các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: luôn có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống chan hòa và lành mạnh, có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, bạn bè và hàng xóm nơi cư trú; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành tuyệt đối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, sẵn sàng chia sẻ cùng đồng nghiệp, hỗ trợ sinh viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao bởi nhiệm vụ của Nhà giáo theo luật Giáo dục, luôn tâm huyết với nghề, giữ đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn có ý thức tự rèn luyện bản thân, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia thực hiện và hoàn thành tốt các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học. Tích cực tham gia giảng dạy các môn học thuộc các chương trình đào tạo bậc đại học, cao học; tham gia biên soạn và chủ biên giáo trình, sách tham khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; hướng dẫn khóa

luận tốt nghiệp đại học; hướng dẫn các học viên thực hiện luận văn cao học. Bên cạnh đó, ứng viên còn giữ vị trí Phó, rồi đến Trưởng bộ môn nên ứng viên luôn phải chủ động, chủ trì và tham gia nhiều nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, kết nối các cơ sở đào tạo trong và ngoài Học viện, doanh nghiệp để định hướng phát triển bộ môn nhằm bắt kịp với xu hướng thay đổi của xã hội và môi trường trong và ngoài nước.

- **Về phát triển cộng đồng:** Bên cạnh hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn quan tâm đến công tác phát triển mạng lưới chuyên môn về quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn thông qua các hoạt động hỗ trợ, tập huấn, tư vấn thiết kế dự án, tư vấn chính sách và giải pháp quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam và kết nối với các địa phương, tổ chức trong nước và quốc tế. Ngoài ra, ứng viên tham gia tập huấn, tư vấn, thực hiện các dự án với các địa phương trong nước và các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế về các vấn đề liên quan đến quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- **Về công tác khác:** Ngoài ra ứng viên còn tham gia cải tiến chương trình đào tạo, tham gia xây dựng, cải tiến đề cương một số môn học phụ trách trình độ đại học và sau đại học ngành khoa học môi trường, ngành Quản lý và phát triển du lịch của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tham gia tổ công tác xây dựng đề án mở ngành đào tạo bậc đại học hình thức chính quy và bồi dưỡng về phòng, chống thiên tai. Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, ứng viên còn tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào đoàn thể của Bộ môn, Khoa và Học viện. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ khác; chấp hành nghiêm các nội quy, quy định của Bộ môn, Khoa và Học viện. Ngoài ra ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, kết nối các thành viên trong Bộ môn và trong Khoa thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, nhiệt tình giúp đỡ sinh viên, có sức khỏe tốt và lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 14 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	3	4	150	135	285/685,9/216
2	2020-2021	0	0	4	2	180	97,5	277,5/691,7/216
3	2021-2022	0	0	1	2	255	30	285/634,4/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0,7	1	195	90	285/474,9/216
5	2023-2024	0	0	1	0	195	30	225/372,1/216
6	2024-2025	0	0	0	0	411	22,5	433,5/632/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại Nhật Bản năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2 /BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Bùi Thị Trang		x	x		2014-2016	Học viện NNVN	Số 2149/QĐ-HVN ngày 1/8/2016
2.	Nguyễn Thị Vân Anh		x	x		2014-2016	Học viện NNVN	Số 4090/QĐ-HVN ngày 13/12/2016
3.	Phạm Thị Phương Anh		x	x		2015-2017	Học viện NNVN	Số 3066/QĐ-HVN ngày 26/7/2017
4.	Mai Thị Thu Huyền		x	x		2017-2019	Học viện NNVN	Số 2425/QĐ-HVN ngày 9/7/2019
5.	Nguyễn Thị Thuý		x	x		2017-2019	Học viện NNVN	Số 2425/QĐ-HVN ngày 9/7/2019
6.	Võ Thị Hồng		x	x		2019-2020	Học viện NNVN	Số 737/QĐ-HVN ngày 05/02/2021
7.	Nguyễn Thị My		x	x		2020-2022	Học viện NNVN	Số 5118/QĐ-HVN ngày 25/10/2021
8.	Bùi Thuý Trang		x	x		2022-2024	Học viện NNVN	Số 5056/QĐ-HVN ngày 25/9/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Nâng cao năng lực cộng đồng: Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2015	5	x	7-38; 63-70	ĐH Hạ Long ngày 29/05/2025
2	Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng	GT	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2021	4	x	13-20; 78-96	Số 2945/QĐ-HVN ngày 17/6/2025
3	Quản lý tài chất thải nguy hại	GT	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2021	3		50-76	Số 2945/QĐ-HVN ngày 17/6/2025
4	Quản lý Môi trường Nông thôn	TK	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2025	2	x	Chương 1 và ½ Chương 3	Số 2826/QĐ-HVN ngày 11/6/2025
5	Advances in Botanical Research	TK	Academic Press is an imprint of Elsevier; ISBN 978-0-443-13350-3; ISSN: 0065-2296, 2023	2	x	Chapter 3: Effects of ozone on plant and crop yield: Case studies with rice and peanut Trang 83-107	Số 3187/QĐ-HVN ngày 27/6/2025
6	Land use mangement, New perspectives, and applications	TK	Intech Open Publishing ISBN 978-00-85014-7, 2023	6		Chương 5: Intergrated effect of the payment for forest environmental services (PFES) in Vietnam	Số 3187/QĐ-HVN ngày 27/6/2025

7	Advance in Environmental Research	TK	Nova Science Publishers, Inc New York ISBN2158-5717, 2024	6		Chương 6: Circular Agriculture: The way towards sustainable Development of Pig-Farming System in Viet Nam	Số 3187/QĐ-HVN ngày 271/6/2025
8	Bài giảng: Sản xuất sạch hơn	Bài giảng	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2020	3	x	Chương 1, 2	
9	Bài giảng: Hướng dẫn Thực hành Quản lý môi trường	Bài giảng	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, 2020	2		1-16	

Trong đó: Ứng viên là chủ biên 01 giáo trình [2]; 01 sách tham khảo [1]; Đồng chủ biên 01 sách tham khảo [4]; 01 chương sách tiếng Anh [5]; 01 bài giảng [8] xuất bản sau TS

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Đánh giá dòng vật chất nitơ và phốt pho tại trang trại chăn nuôi lợn trên địa bàn huyện Gia Lâm	CN	T2018-04-37	2018	Nghiệm thu ngày 7/3/2019 Khá
2	Phân tích các biện pháp quản lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái	CN	T2023-03-13	2023	Nghiệm thu ngày 11/1/2024 Tốt
3	Tối ưu hoá hệ thống thu gom rác bằng mô hình đa tác tổ và mô	CN	04 VB-2016	206-2017	Nghiệm thu ngày 25/1/2018 Tốt

	phòng: Trường hợp nghiên cứu tại Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang				
4	Nghiên cứu công nghệ sản xuất và chế biến nấm Agaricus subrufescens, ứng dụng để nâng cao giá trị gia tăng một số nông sản Việt Nam	TK	ĐTĐL.CN-24/21	2021-2025	Đang được gia hạn theo quyết định số 488/QĐ-BKHCN ngày 20/02/2025 của Bộ trưởng Bộ KH và CN
5	Ứng dụng kỹ thuật kiểm toán chất thải và đề xuất các giải pháp giảm thiểu chất thải trong chăn nuôi lợn	TG	Đề tài cấp Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2018-2021	Nghiệm thu ngày 02/7/ 2021 Khá
6	Nghiên cứu đề xuất hướng dẫn kỹ thuật xác định nguyên nhân và thiệt hại kinh tế do tình trạng thủy sản chết hàng loạt nhằm giải quyết xung đột môi trường	TG	Đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2021-2023	Nghiệm thu 10/2/2023 Đạt
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển	TG	Đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2018-2020	Nghiệm thu ngày 13/7/2021 Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	L à tá c gi ả ch í n h	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nutrient management and institutional cooperation as condition for enviroment safe wastewater irrigation: The case of Hanoi, Vietnam	5		Proceeding of the international conference on Environmental Consequences of Irrigation with Poor Quality Waters: Sustainability, management and institutional, water resource, health and social issues ISBN: 9788189610074			62, 50-61	2006
2	Open top chamber experiment study to assess effect of ground level ozone on local peanut cultivar in Vietnam	2	X	International Journal of Environmental Studies	IF: 3,3 Q2		66,1, 101-111	2009
3	Assessment of ozone effects on local rice cultivar by portable ozone fumigation system in Hanoi, Vietnam	3	X	Environmental Monitoring Assessment	IF: 2,9 Q2		155,569 -580	2009
4	Farmers' adaptation to sea-level rise and salinity intrusion: A case study on sedge growers in coastal Vietnam.	2	X	Tropical Agriculture and Development			3	2010

II	Sau khi được công nhận TS							
5	Characterization of Agricultural production in buffer zone communes surrounding Xuan Thuy National Park, Vietnam	5	X	Proceeding of JSTA ISSN 1882-8434			9-10	2014
6	Comparative study of children's image of agriculture between Vietnam and Cambodia	7		Proceeding of JSTA ISSN 1882-8434			67-68	2014
7	Preliminary study on image of agriculture of Vietnamese children - Application of public goods experiment and attitude and behavioral modification	6		Proceeding of JSTA ISSN 1882-8434			69-70	2014
8	Ảnh hưởng của ô nhiễm nước tới hoạt động sản xuất nông nghiệp	1	X	Tạp chí Bộ Tài nguyên và Môi trường, ISSN1859-042X				2015
9	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất lúa và biện pháp thích ứng tại Huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	1	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISBN 1859-4581				2016
10	Current Situation of Pig manure and Effluent Management in Viet Nam	6	X	Proceeding of The 12th International Symposium on Southeast Asian Water Environment, Ha Noi, Vietnam, November 28-30, 2016			343-348	2016

11	Towards a decision support system for municipal waste collection by integrating GIS map, smart devices and agent-based model	4		Conference Proceeding of the seventh international Symposium on information and communication technology, 2016				2016
12	Salinity intrusion and rice production in Red River Delta under changing climate conditions	5		Paddy and Water Environment	Q2		15(37-48)	2017
13	Optimizing vehicle routing with path and carbon dioxide emission for municipal solid waste collection in Ha Giang, Viet Nam	5		ISBN 978-3-319-74175-8; https://link.springer.com/book/10.1007/978-3-319-74176-5			31(212-227)	2017
14	Emission Control and Route Optimization in Municipal Solid Waste Collection and Transportation using Agent-Based Model	4		International Journal of Innovative Technology and Exploring Engineering; ISSN2278-3075	IF: 4,6		7,2	2017
15	Optimization of Municipal Solid waste transportation by integrating GIS analysis, equation-based, and agent-based model	4		Waste Management	Q1		59, 14-22	2017
16	Ô nhiễm môi trường chăn nuôi lợn và tiềm năng	6		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, ISBN1859-4581			22-31	2018

	một số biện pháp xử lý chất thải							
17	Đánh giá dòng nito trên quy trình chăn nuôi lợn quy mô trang trại tại Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	2	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISBN 1859-4581			15-21	2018
18	Áp dụng kiểm toán chất thải cho hoạt động chăn nuôi bò thịt quy mô hộ gia đình tại xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISBN 1859-4581			5-14	2018
19	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp sản xuất sạch hơn tại công ty cổ phần mía đường Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	1	X	Kỷ yếu HT Nữ cán bộ viên chức, VNUA, Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, ISBN 978-604-924-369-1			96-104	2018
20	Chapter 2: Preliminary assessment of rice production in coastal part of Red River Delta surrounding Xuan Thuy National Park, Vietnam for improving resilience; In: Takeuchi K., Saito O., Matsuda H., Mohan G. (eds) Resilient Asia. Science for Sustainable Societies			Springer, Tokyo Book https://doi.org/10.1007/978-4-431-56597-0_2			7-38	2018
21	Factor structuring phytoplankton community in a large tropical river: Case study	12		Limnologica	Q2, IF:2,0		76, 82-93	2019

	in the Red River (Vietnam)							
22	Quản lý chất thải chăn nuôi trong xây dựng Nông thôn mới	3	X	Kỷ yếu HT "Lý luận và thực tiễn trong xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam"				2019
23	Auxin production of the filamentous cyanobacterial Planktotohricoides strain isolated from a polluted river in Vietnam	16		Chemosphere	Q1, IF:7,086		284	2021
24	Students' Perceptions of Climate Change: A case study at Vietnam National University of Agriculture	4		Vietnam Journal of Agricultural Sciences ISSN 2588-1299				2021
25	Effects of Covid-19 Pandemic on Surface Water Quality: A case study in Hong – Thai Binh river, Vietnam	8		J. Fac. Agr., Kyushu Univ.,			67(2), 263-271	9/2022
26	Đánh giá hiện trạng và tác động của sự cố thủy sản chết hàng loạt tại Việt Nam	6	X	TNU Journal of Science and Technology			228,5,19-29	1/2023
27	Bài học kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xác định nguyên nhân thủy sản chết hàng loạt	3		Tạp chí Tài nguyên và Môi trường				3/2023
28	Đánh giá ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu đến mô hình Lúa Rươi tại huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học quản lý đất đai toàn quốc lần thứ 1, ngày 9-10/9/2023 tại VNUA-Hà Nội;				2023

				ISBN: 978-604-924-766-8				
29	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	1	X	Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, ISBN978-604-342-926-8			277-297	2023
30	Hiện trạng phát sinh và quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở tỉnh Bắc Giang	2		Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 4/2024. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024			121-131	2024
31	Giải pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp	8		Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 4/2024. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024			369-379	2024
32	Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải và đề xuất các biện pháp cải tiến cho các trang trại chăn nuôi lợn tỉnh Hà Tĩnh.	4	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 4/2024. ISBN: 978-604-924-803-			391-401	2024

				0/NXBHVNN-2024				
33	Đánh giá quy trình tiếp nhận, kiểm chứng thông tin và xác định nguyên nhân sự cố thủy sản chết hàng loạt tại Việt Nam	5	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 4/2024. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024			423-435	2024
34	Đánh giá năng lực thích ứng biến đổi khí hậu cấp huyện tại khu vực Tây Nguyên	2		Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 6/2025. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024			75-84	2025
35	Thực trạng và giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nông nghiệp tại Hà Nội	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện Nông nghiệp Việt Nam 6/2025. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024			122-133	2025
36	Đánh giá tác động của xâm thực mặn và xây dựng các giải pháp thích ứng tại Cà Mau	3	X	Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Môi trường nông nghiệp, nông thôn và Phát triển bền vững”. Học viện			389-403	2025

				Nông nghiệp Việt Nam 6/2025. ISBN: 978-604-924-803-0/NXBHVNN-2024				
37	Evaluation of Recycling and Reuse Animal Waste Treatments Towards Circular Agriculture: A case study in Northern Mountain of Viet Nam	4	X	J. Fac. Agr. Kyushu Univ.			70,1,71-79	2025
38	Climate change in Vietnam: Trend and Impact on Agricultural Production	4	X	Journal of International Society for Southeast Asian Agricultural Sciences	Q4		70,1,71-79	2025
39	Survey-based emission inventory of greenhouse gases released from rice production on consolidated land in the Red River Delta, Vietnam	3	X	Journal of Atmosphere	Q2 IF: 2,3		16(7), 794	2025

Trong đó có 03 bài là tác giả chính đăng trên tạp chí khoa học có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS đó là các bài số thứ tự [37, 38, 39]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Soạn thảo chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý và phát triển du lịch	Tham gia	Quyết định số 2377/QĐ-HVN Ngày 15/8/2018	Học viện NNVN	Quyết định số 4039/QĐ-HVN ngày 19/11/2018	
2	Xây dựng đề án mở ngành đào tạo bậc đại học hình thức chính quy và bồi dưỡng về phòng, chống thiên tai	Tham gia	Quyết định số 5892/QĐ-HVN Ngày 6/11/2024	Học viện NNVN		
3	Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ đại học theo tiêu chuẩn của Bộ GD và ĐT	Tham gia	Quyết định số 2543/QĐ-HVN Ngày 30/5/2024	Học viện NNVN		
4	Rà soát và cải tiến chương trình đào tạo các ngành đào tạo đại học ngành Khoa học Môi trường	Tham gia	Quyết định số 882/QĐ-HVN ngày 01/03/2024	Học viện NNVN	Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, số 4151/QĐ-HVN, ngày 14/08/2024	
5	Tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường trình độ tiến sĩ theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tham gia	Quyết định số 788/QĐ-HVN ngày 16/02/2023	Học viện NNVN		

c) Phát triển chương trình đào tạo, khoa học và công nghệ (đối với ứng viên GS):

TT	Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học (bao gồm xây dựng, thiết kế chương trình mới và sửa đổi, bổ sung)	Trách nhiệm (chủ trì/tham gia)	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng (văn bản, số, ngày, tháng, năm)

8. Nhận xét, đánh giá giảng viên:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:+
Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hải Vân